



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM
CT CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC HN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : ...6.3../HEID-CV
V/v: Công bố BCTC hợp nhất năm 2018

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2019

Kính gửi: Ủy Ban chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

1. Tên Công ty: Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
2. Mã chứng khoán: EID
3. Địa chỉ trụ sở chính: 187B Giảng Võ – Cát Linh- Đống Đa – Hà Nội
4. Điện thoại: 0.4.35123939 – Fax: 0.4.35123838
5. Người thực hiện công bố thông tin: Vũ Bá Khánh (Tổng Giám đốc Công ty – Người Đại diện trước Pháp luật).
6. Nội dung công bố thông tin: Báo cáo Tài chính hợp nhất năm 2018 của Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội đã được soát xét (được lập ngày 25/03/2019).
7. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: <http://www.heid.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung thông tin công bố.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu TCHC





NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM
CT CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC HN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : ...64.../HEID-CV

V/v: Giải trình chênh lệch tăng LNST trong BCTC HN
của năm 2018 so với năm 2017

Hà Nội, ngày 03 tháng 03 năm 2019

Kính gửi: Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội (HEID) đã có Báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2018 gửi lên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo đúng quy định. Tuy nhiên chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế của năm 2018 có tăng hơn so với năm 2017 (chênh lệch trên 10%). Vì vậy, Công ty chúng tôi làm công văn này xin giải trình đến Quý Sở cụ thể như sau:

- Năm 2018, Công ty phát hành tăng sản lượng một số dòng sản phẩm mang lại kết quả sản xuất kinh doanh tốt, dẫn đến Báo cáo Tài chính riêng năm 2018 có lợi nhuận sau thuế cao hơn năm 2017 gần 2 tỷ đồng.

- Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công là công ty con của HEID. Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công có lợi nhuận sau thuế cao hơn so với năm 2017 hơn 3,3 tỷ đồng.

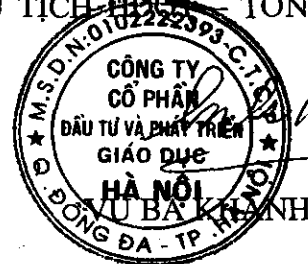
Do đó kéo theo lợi nhuận sau thuế trong Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 tăng so với năm 2017 (chênh lệch trên 10%)

Trân trọng báo cáo!

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BTGD, KTT, BKS Công ty
- Lưu HC;

KT. CHỦ TỊCH HĐQT
PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT - TỔNG GĐ CÔNG TY



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
GIÁO DỤC HÀ NỘI**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	06 - 43
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10 - 11
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 43



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 310/QĐ-TCNS ngày 23/03/2007 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam và hoạt động theo Giấy đăng ký doanh nghiệp số 0102222393 (thay đổi lần 03) ngày 20/09/2010 của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tòa nhà HEID, ngõ 12 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Văn Thắng	Chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 26/04/2018)
Ông Nguyễn Đức Thái	Chủ tịch	(Miễn nhiệm ngày 26/04/2018)
Ông Vũ Bá Khánh	Phó Chủ tịch	
Bà Trần Thị Như Hà	Ủy viên	
Bà Dương Thị Việt Hà	Ủy viên	
Bà Đỗ Thị Phương	Ủy viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Bá Khánh	Tổng Giám đốc	
Bà Trần Thị Như Hà	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phan Doãn Thoại	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Dương Thị Việt Hà	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 10/04/2018)

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thúy Hạnh	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Kim Anh	Ủy viên
Ông Phan Đức Minh	Ủy viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
Tòa nhà HEID, Ngõ 12 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;

- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2019



Số: 250319.021/BCTC.KT5

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội được lập ngày 25/03/2019, từ trang 06 đến trang 43, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Hồ Thị Ngọc Dung

Phó Tổng Giám đốc

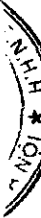
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 0659-2018-002-1

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2019

Nguyễn Trường Minh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 2290-2018-002-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		340.056.009.956	306.785.877.513
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	53.846.818.651	41.028.367.616
111	1. Tiền		13.846.818.651	11.028.367.616
112	2. Các khoản tương đương tiền		40.000.000.000	30.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	15.120.950	17.509.750
121	1. Chứng khoán kinh doanh		118.776.400	118.776.400
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(103.655.450)	(101.266.650)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		88.195.899.680	89.718.295.737
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	58.928.986.112	68.171.754.337
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	36.693.825.516	24.559.082.145
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	6.803.870.017	1.552.106.608
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(14.230.781.965)	(4.564.647.353)
140	IV. Hàng tồn kho	9	176.493.240.286	164.424.813.281
141	1. Hàng tồn kho		179.324.617.170	168.916.651.036
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(2.831.376.884)	(4.491.837.755)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		21.504.930.389	11.596.891.129
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	20.697.634.970	10.874.871.200
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	807.295.419	722.019.929

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		106.056.964.528	121.173.180.706
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		255.800.000	625.800.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	255.800.000	625.800.000
220	II. Tài sản cố định		4.000.987.781	6.403.631.541
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	4.000.987.781	6.403.631.541
222	- Nguyên giá		12.024.314.134	11.451.314.134
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(8.023.326.353)	(5.047.682.593)
230	III. Bất động sản đầu tư	12	63.688.687.718	67.178.478.818
231	- Nguyên giá		87.244.777.643	87.244.777.643
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(23.556.089.925)	(20.066.298.825)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		300.000.000	6.083.658.818
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	300.000.000	6.083.658.818
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	28.019.971.047	27.173.270.744
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		15.556.871.047	15.184.180.744
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		17.581.750.000	17.581.750.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(6.118.650.000)	(6.592.660.000)
255	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		1.000.000.000	1.000.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		9.791.517.982	13.708.340.785
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	1.604.585.346	3.002.351.953
269	2. Lợi thế thương mại	14	8.186.932.636	10.705.988.832
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		446.112.974.484	427.959.058.219

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 Năm 2018

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	617.412.526.826	590.721.685.377
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23	18.309.801.314	13.660.054.316
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		599.102.725.512	577.061.631.061
11	4. Giá vốn hàng bán	24	435.694.873.178	417.562.592.317
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		163.407.852.334	159.499.038.744
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	2.916.794.774	1.540.789.833
22	7. Chi phí tài chính	26	4.070.916.727	12.371.904.243
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		4.537.194.404	5.731.393.047
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		372.690.303	323.618.720
25	9. Chi phí bán hàng	27	63.496.417.376	62.403.811.765
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	45.523.832.635	37.316.852.965
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		53.606.170.673	49.270.878.324
31	12. Thu nhập khác	29	414.732.276	2.114.760.763
32	13. Chi phí khác	30	1.234.429.654	4.562.807.988
40	14. Lợi nhuận khác		(819.697.378)	(2.448.047.225)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		52.786.473.295	46.822.831.099
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31	11.839.019.299	10.600.303.960
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		40.947.453.996	36.222.527.139
61	18. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		40.940.391.113	36.222.527.139
62	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		7.062.883	-
70	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	32		2.060



Lương Ngọc Bích
 Người lập biểu



Nguyễn Thanh Bình
 Kế toán trưởng



Vũ Bá Khánh
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2018

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
I LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		52.786.473.295	46.822.831.099
	2. Điều chỉnh cho các khoản		17.780.310.482	11.560.195.128
02	- Khấu hao tài sản cố định và Bất động sản đầu tư		8.984.491.056	8.309.958.974
03	- Các khoản dự phòng		7.534.052.541	(371.188.536)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(3.275.427.519)	(2.109.968.357)
06	- Chi phí lãi vay		4.537.194.404	5.731.393.047
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		70.566.783.777	58.383.026.227
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(2.111.907.799)	(12.887.173.404)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(10.407.966.134)	(10.295.094.647)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		10.736.045.254	23.529.583.690
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(8.424.997.163)	968.057.470
14	- Tiền lãi vay đã trả		(4.541.646.024)	(5.766.422.642)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(11.275.743.486)	(10.487.200.580)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		15.000.000	110.000.000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(5.163.658.905)	(4.501.628.785)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		39.391.909.520	39.053.147.329
II LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		(663.447.000)	(1.889.844.636)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	304.545.454
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(1.000.000.000)
26	4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	6.000.000.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.840.098.327	1.541.179.183
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		2.176.651.327	4.955.880.001
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	319.000.000
33	2. Tiền thu từ đi vay		359.636.489.019	332.409.527.768
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(368.886.598.831)	(365.676.340.683)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(19.500.000.000)	(18.063.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(28.750.109.812)	(51.010.812.915)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2018

(Theo phương pháp gián tiếp)

(tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		12.818.451.035	(7.001.785.585)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		41.028.367.616	48.030.153.201
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>53.846.818.651</u>	<u>41.028.367.616</u>

Lương Ngọc Bích
Người lập biểu

Nguyễn Thanh Bình
Kế toán trưởng



Vũ Thị Bình
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Năm 2018

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 310/QĐ-TCNS ngày 23/03/2007 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy đăng ký doanh nghiệp số 0102222393 (thay đổi lần 03) ngày 20/09/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tòa nhà HEID, ngõ 12 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 150.000.000.000 VND, tương đương 15.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Lĩnh vực kinh doanh: Kinh doanh, phát hành sách và thiết bị giáo dục.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm là:

- Phát hành xuất bản phẩm;
- Phát hành sách bổ trợ sách giáo khoa, sách tham khảo chất lượng cao, các sản phẩm giáo dục theo hướng đổi mới phương pháp dạy học, tự học và các loại sản phẩm giáo dục khác;
- Kinh doanh các sản phẩm thiết bị giáo dục, thiết bị văn phòng, các phần mềm giáo dục, văn phòng phẩm, vở học sinh, quần áo, đồng phục cho học sinh và lịch các loại;
- Thiết kế mỹ thuật, chế bản, tạo mẫu in (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Dịch vụ dịch thuật, phiên dịch, biên dịch và mua bản quyền tác giả;
- Tư vấn và cung cấp dịch vụ biên soạn, thiết kế nội dung chương trình dạy học, phòng học chuyên dùng và phương tiện dạy học;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực: Kinh doanh, phát hành sách và thiết bị giáo dục. Đặc thù ngành nghề kinh doanh này là mang tính thời vụ, các loại sách giáo khoa, sách bổ trợ sách giáo khoa và sách tham khảo chủ yếu được phát hành và phân phối trong giai đoạn quý II và quý III hàng năm (là giai đoạn chuẩn bị cho năm học mới).

Cuối năm 2017, công việc đầu thầu lựa chọn nhà in diễn ra chậm hơn khoảng 01 tháng so với các năm trước, nên Công ty xuất bản vật tư là giấy cho các nhà in theo các hợp đồng in trọn gói được thực hiện chủ yếu vào đầu năm 2018. Do đó, doanh thu bán vật tư năm nay tăng mạnh so với năm trước.

Cấu trúc tập đoàn

Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2018 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	Hà Nội	100%	100%	Kinh doanh Bất động sản
Công ty Cổ phần Sách dịch và Từ điển Giáo dục	Hà Nội	89,00%	89,00%	Dịch thuật, biên soạn và kinh doanh thiết bị giáo dục

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng Chuẩn mực, Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các Công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

2.4. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là 10 năm. Định kỳ Công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

2.7. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp phương pháp bình quân gia quyền.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là trái phiếu của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư;
- Đối với khoản đầu tư là trái phiếu nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được Công ty căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng-mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm đối với hoạt động kinh doanh sách: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được xác định theo giá trị nguyên vật liệu đã xuất và đang còn tồn tại các đơn vị nhận gia công.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|-----------------------|-------------|
| - Phương tiện vận tải | 03 - 10 năm |
| - Thiết bị văn phòng | 03 - 05 năm |

2.11. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 12 - 25 năm |
|--------------------------|-------------|

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

2.12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí tập hợp được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại tài sản cố định khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.13. Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.14. Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BBC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Khi đưa tiền, tài sản đi đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được ghi nhận là nợ phải thu. Khi tài sản đồng kiểm soát đi vào hoạt động, BCC chuyển sang hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát, mỗi bên tham gia liên doanh được nhận sản phẩm hoặc doanh thu từ việc sử dụng và khai thác tài sản đồng kiểm soát và chịu một phần chi phí phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng.

2.15. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ và không được khấu trừ được hạch toán riêng; trường hợp không hạch toán riêng được thì thuế đầu vào được khấu trừ tính theo tỷ lệ (%) giữa doanh thu chịu thuế GTGT, doanh thu không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT so với tổng doanh thu của hàng hóa, dịch vụ bán ra bao gồm cả doanh thu không phải kê khai, tính nộp thuế không hạch toán riêng được. Đối với thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ, Công ty thực

hiện phân bổ vào giá vốn hàng bán theo tỷ lệ giữa giá vốn hàng bán so với giá vốn hàng bán cộng với giá thành của hàng tồn kho.

2.16. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.17. Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

2.18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.19. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.20. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng ban quản lý điều hành Công ty: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán riêng.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.21. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu cho thuê hoạt động

Doanh thu cho thuê hoạt động là doanh thu cho thuê tại tòa nhà K3B Thành Công tại địa chỉ K3B Ngõ 6A, phường Thành Công, quận Ba Đình, Hà Nội, được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê theo quy định của hợp đồng thuê.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.22. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì Công ty ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì Công ty ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì Công ty ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.23. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.24. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác,...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.25. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

2.26. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.27. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên trực tiếp hoặc gián tiếp phản quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.28. Thông tin bộ phận

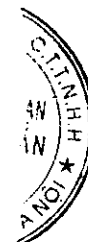
Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	665.490.874	754.358.545
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	13.181.327.777	10.274.009.071
Các khoản tương đương tiền ⁽ⁱ⁾	40.000.000.000	30.000.000.000
	<u>53.846.818.651</u>	<u>41.028.367.616</u>

⁽ⁱ⁾ Tại ngày 31/12/2018, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 1 đến 3 tháng, giá trị 40.000.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng Công thương Việt Nam với lãi suất 5,5%/năm.



4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TẠI CHÍNHH

a) **Chứng khoán kinh doanh**

Mã chứng khoán	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu chưa niêm yết ⁽¹⁾	97.000.000	10.391.000	97.000.000	10.438.000
- Công ty Cổ phần Sông Đà - Thăng Long	74.600.000	1.455.000	74.600.000	1.350.000
- Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam	22.400.000	8.936.000	22.400.000	9.088.000
Cổ phiếu đã niêm yết ⁽¹⁾	21.776.400	4.729.950	21.776.400	7.071.750
- Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn	21.500.000	4.698.750	21.500.000	7.043.750
- Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh	276.400	31.200	276.400	28.000
	118.776.400	15.120.950	(103.655.450)	17.509.750
	(101.266.650)			(101.266.650)

⁽¹⁾ Giá trị hợp lý của các cổ phiếu chưa niêm yết đang giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán UPCOM được xác định theo giá bình quân của cổ phiếu trên hệ thống tại ngày 28/12/2018. Giá trị hợp lý của các cổ phiếu đã niêm yết được xác định theo giá đóng cửa của cổ phiếu tại ngày 28/12/2018 trên sàn giao dịch chứng khoán HNX và HOSE.

b) **Đầu tư vào công ty liên kết**

Địa chỉ	31/12/2018		01/01/2018	
	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
	VND	VND	VND	VND
Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu	15.556.871.047	46,34%	15.184.180.744	46,34%
Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu	15.556.871.047	46,34%	15.184.180.744	46,34%
	15.556.871.047		15.184.180.744	

Công ty Cổ phần Sách Thiết bị trường học Hà Tây

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Mã chứng khoán	31/12/2018			01/01/2018		
		Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
		VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội ⁽ⁱⁱ⁾	EPH	1.212.500.000	1.212.500.000	-	1.212.500.000	1.212.500.000	-
- Công ty CP Đầu tư xuất bản sách - Thiết bị trường học Việt Nam ⁽ⁱⁱⁱ⁾		6.000.000.000		(552.000.000)	6.000.000.000		-
- Công ty CP Đầu tư Tài chính Giáo dục ^(iv)	EFI	10.369.250.000	4.802.600.000	(5.566.650.000)	10.369.250.000	3.776.590.000	(6.592.660.000)
		17.581.750.000	6.015.100.000	(6.118.650.000)	17.581.750.000	4.989.090.000	(6.592.660.000)

⁽ⁱⁱ⁾ Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội được xác định theo Báo cáo tài chính của bên được đầu tư.

⁽ⁱⁱⁱ⁾ Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

^(iv) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty CP Đầu tư Tài chính Giáo dục được xác định theo giá giao dịch bình quân của cổ phiếu Công ty này trên sàn giao dịch chứng khoán UPCOM là 4.400 đồng/cổ phiếu tại ngày 28/12/2018.

Đầu tư vào đơn vị khác

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Hà Nội	4,85%	4,85%	Tổ chức biên soạn, biên tập, dịch thuật, thiết kế, minh họa chế bản sách giáo khoa
Công ty Cổ phần Đầu tư xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam	Hà Nội	5,52%	5,52%	Tổ chức xuất bản sách, thiết bị trường học
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục	Hà Nội	10,03%	10,03%	Quản lý, khai thác và kinh doanh BĐS; Đầu tư tài chính

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

d) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Trái phiếu ^(v)	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000

^(v) Đây là khoản đầu tư mua 100 trái phiếu của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam trong năm 2017 với mệnh giá trái phiếu là 10.000.000 VND/trái phiếu, kỳ hạn 10 năm với lãi suất thả nổi.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	21.110.316.124	(10.554.186.562)	28.435.428.169	-
- Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Hưng Yên	5.503.391.770	(307.035.060)	3.998.851.978	-
- Công ty CP sách và Thiết bị trường học Thanh Hóa	2.191.175.374	-	4.491.531.329	(610.620.052)
- Công ty CP sách và Thiết bị trường học Hải Dương	3.076.043.774	(286.876.920)	2.607.456.026	(376.964.557)
- Công ty CP sách và Thiết bị trường học Hà Giang	3.590.957.866	(1.795.478.933)	4.318.387.453	(2.110.991.732)
- Các khách hàng khác	23.457.101.204	(1.265.404.490)	24.320.099.382	(1.444.271.012)
	58.928.986.112	(14.208.981.965)	68.171.754.337	(4.542.847.353)
b) Các bên liên quan	23.766.677.035	(10.554.186.562)	29.888.128.227	-
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh 38)				

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH Dịch vụ sách Nam An	2.089.275.717	-	4.303.512.130	-
Nhà Máy in Bộ Tổng tham mưu	17.422.621.831	-	7.871.064.457	-
Công ty Cổ phần in Khoa học Công nghệ Hà Nội	1.314.547.021	-	2.552.285.821	-
Các nhà cung cấp khác	15.867.380.947	(21.800.000)	9.832.219.737	(21.800.000)
	36.693.825.516	(21.800.000)	24.559.082.145	(21.800.000)

7. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu lãi tiền gửi	62.638.889	-	-	-
Tạm ứng	586.946.310	-	452.583.500	-
Ký cược, ký quỹ	180.179.000	-	15.000.000	-
Phải thu khác	5.974.105.818	-	1.084.523.108	-
- Dự án Xây dựng mở rộng mặt bằng sản xuất tại xã Tiên Dương, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội ⁽¹⁾	5.874.105.818	-	-	-
- Các khoản phải thu khác	100.000.000	-	1.084.523.108	-
	6.803.870.017	-	1.552.106.608	-
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	255.800.000	-	225.800.000	-
Phải thu khác	-	-	400.000.000	-
	255.800.000	-	625.800.000	-

⁽¹⁾ Đây là khoản vốn góp của Công ty để thực hiện Hợp đồng số 47/2010/HĐGV ngày 15/07/2010 giữa Công ty và các bên gồm: Công ty CP In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội; Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc; Công ty CP Sách Giáo dục tại thành phố Hà Nội để cùng thực hiện Dự án xin cấp đất mở rộng mặt bằng sản xuất (làm kho, xưởng sản xuất) theo hình thức tài sản đồng kiểm soát.

Ngày 22/06/2018 và ngày 09/08/2018, đại diện các bên góp vốn và chủ đầu tư (Công ty CP In Sách giáo khoa tại TP Hà Nội) đã họp và thống nhất chủ trương xử lý dự án, đảm bảo thu hồi vốn đầu tư trên nguyên tắc bảo toàn vốn. Đến nay, Công ty và các bên liên quan vẫn đang trong quá trình thực hiện các thủ tục cần thiết theo chủ trương nêu trên. Khoản góp vốn đã được Công ty phân loại sang theo dõi trên khoản mục Phải thu ngắn hạn khác (Xem thêm Thuyết minh số 13).

8. NỢ XẤU

Các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam ⁽¹⁾	21.108.373.124	10.554.186.562	-	-
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Hà Giang	3.590.957.866	1.795.478.933	4.318.387.453	2.207.395.721
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Hưng Yên	1.023.450.200	716.415.140	-	-
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thanh Hóa	-	-	4.491.531.329	3.880.911.277
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Hải Dương	956.256.400	669.379.480	1.256.548.523	879.583.966
Các đối tượng nợ phải thu khác	2.176.257.016	889.052.526	3.201.677.457	1.735.606.445
	28.855.294.606	14.624.512.641	13.268.144.762	8.703.497.409

Giá trị có thể thu hồi nêu trên được xác định bằng giá gốc trừ đi phần dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập cho các đối tượng phải thu này. Ban Tổng giám đốc Công ty đang thực hiện mọi biện pháp nhằm thu hồi toàn bộ các khoản nợ phải thu khó đòi này.

⁽¹⁾ Do tình hình tiêu thụ bộ sách tiếng anh Express gặp nhiều thử thách nên Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam chưa thể thanh toán khoản công nợ mua sách phát sinh từ năm 2017 theo đúng thời hạn thanh toán được quy định trong các hợp đồng mua bán. Căn cứ vào số nợ quá hạn và thời gian quá hạn thanh toán với công ty này, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC.

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	87.688.742.246	-	59.261.414.470	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	13.225.567.039	-	8.597.016.753	-
Thành phẩm	26.230.777.548	(2.831.376.884)	27.664.345.964	(4.491.837.755)
Hàng hoá	45.854.560.391	-	65.556.966.292	-
Hàng gửi đi bán	6.324.969.946	-	7.836.907.557	-
	179.324.617.170	(2.831.376.884)	168.916.651.036	(4.491.837.755)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là thành phẩm được trích lập do giá trị các loại sách chậm luân chuyển, đã lạc hậu về nội dung, cũ nát, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ và đang chờ thanh lý. Các loại sách này sẽ được Công ty xem xét biện pháp thanh lý khi hết mùa vụ phát hành.

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ chờ phân bổ ⁽ⁱ⁾	11.372.329.333	10.307.345.864
- Chi phí thuê cửa hàng, thuê kho chờ phân bổ	3.225.953.637	252.900.001
- Chi phí bán thảo, chi phí quản lý xuất bản chờ phân bổ ⁽ⁱⁱ⁾	6.099.352.000	314.625.335
	20.697.634.970	10.874.871.200
b) Dài hạn		
- Chi phí mua bản quyền in sách	1.159.642.410	564.933.771
- Chi phí thuê kho, sửa chữa cửa hàng	444.942.936	2.437.418.182
	1.604.585.346	3.002.351.953

⁽ⁱ⁾ Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ được phân bổ vào giá vốn hàng bán căn cứ theo tỷ lệ giữa Giá vốn hàng bán so với giá vốn hàng bán cộng với giá thành của hàng tồn kho.

⁽ⁱⁱ⁾ Phí bán thảo, phí quản lý xuất bản được ghi nhận căn cứ theo hóa đơn tài chính của Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội và được phân bổ vào giá thành căn cứ vào số lượng sách in nhập kho trong năm.

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	11.011.260.988	440.053.146	11.451.314.134
- Mua trong năm	-	573.000.000	573.000.000
Số dư cuối năm	11.011.260.988	1.013.053.146	12.024.314.134
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	4.696.619.312	351.063.281	5.047.682.593
- Khấu hao trong năm	2.739.017.784	236.625.976	2.975.643.760
Số dư cuối năm	7.435.637.096	587.689.257	8.023.326.353
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	6.314.641.676	88.989.865	6.403.631.541
Tại ngày cuối năm	3.575.623.892	425.363.889	4.000.987.781

Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.232.750.216 VND.

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư là tòa nhà K3B Thành Công tại địa chỉ K3B Ngõ 6A, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Hà Nội với nguyên giá là 87.244.777.643 VND, giá trị hao mòn lũy kế tại ngày 31/12/2018 là 23.556.089.925 VND trong đó khấu hao trong năm là 3.489.791.100 VND.

Bất động sản đầu tư này đang được sử dụng để cho thuê và được dùng để đảm bảo cho Hợp đồng vay tín dụng số 01/2018-HĐCVHM/NHCT106-HEID ngày 29/06/2018 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội.

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Công trình nhà kho tại Xã Tiên Dương - Đông Anh - Hà Nội ⁽ⁱ⁾	-	5.783.658.818
Công trình Trung tâm xuất bản - Phát hành Sách giáo khoa ⁽ⁱⁱ⁾	300.000.000	300.000.000
	300.000.000	6.083.658.818

⁽ⁱ⁾ Đây là khoản vốn góp của Công ty để thực hiện Hợp đồng số 47/2010/HĐGV ngày 15/07/2010 giữa Công ty và các bên. Khoản góp vốn này đã được Công ty phân loại sang khoản mục Phải thu ngắn hạn khác (Xem tại thuyết minh 7).

⁽ⁱⁱ⁾ Theo Hợp đồng góp vốn số 1B/2010/HĐGV ngày 08/07/2010, Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội và Công ty TNHH Một thành viên Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam đã thống nhất thực hiện góp vốn để cùng đầu tư xây dựng công trình cao tầng tại quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội thuộc Dự án “Xây dựng Trung tâm xuất bản - Phát hành Sách giáo khoa”. Hiện tại dự án này đang tạm dừng đầu tư.

14. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Lợi thế thương mại phát sinh tại ngày mua Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công (công ty con) với tổng giá trị là 25.190.561.959 VND được phân bổ trong vòng 10 năm (120 tháng), thời gian phân bổ còn lại là 39 tháng, số đã phân bổ vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm là 2.519.056.196 VND.

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ	VND	trả nợ
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	8.745.521.502	8.745.521.502	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	3.483.555.843	3.483.555.843	-	-
- Phải trả cho các đối tượng khác	21.904.620.275	21.904.620.275	35.447.012.025	35.447.012.025
	34.133.697.620	34.133.697.620	35.447.012.025	35.447.012.025
b) Phải trả người bán là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh 38)				
	13.987.453.266	13.987.453.266	767.563.799	767.563.799

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	887.949.154	3.082.206.252	3.444.121.465	-	526.033.941
Thuế thu nhập doanh nghiệp	189.638.461	897.266.918	11.818.389.138	11.275.743.486	-	1.250.274.109
Thuế thu nhập cá nhân	527.538.468	808.312.851	5.673.748.158	6.420.492.823	802.452.419	336.482.137
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	463.341.376	463.341.376	-	-
Các loại thuế khác	4.843.000	8.206.056	62.661.655	68.661.583	4.843.000	2.206.128
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	265.880.069	265.880.069	-	-
	722.019.929	2.601.734.979	21.366.226.648	21.938.240.802	807.295.419	2.114.996.315

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Chi phí lãi vay	72.748.091	77.199.711
Trích trước phí quản lý xuất bản	25.730.226.698	25.595.412.048
Trích trước chi phí tổ chức bản thảo, công in	14.465.368.843	9.991.803.406
Trích trước chi phí xây dựng, duy trì, vận hành, phát triển và khai thác sách mềm	4.832.585.522	-
Trích trước chi phí bản quyền và dịch sách	646.413.242	443.279.284
Chi phí phải trả khác	2.447.971.948	2.955.893.050
	48.195.314.344	39.063.587.499

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	302.944.291	226.216.691
Các khoản bảo hiểm phải nộp	-	2.012.217
Các khoản phải trả, phải nộp khác	129.806.914	14.000.000
- Cổ tức lợi nhuận phải trả	14.000.000	14.000.000
- Phải trả, phải nộp khác	115.806.914	-
	432.751.205	242.228.908
b) Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược	1.785.365.800	1.594.338.800
	1.785.365.800	1.594.338.800

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
 Tòa nhà HEID, Ngõ 12 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

19. VAY NGẮN HẠN

	01/01/2018		Trong năm		31/12/2018	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	74.560.075.423	74.560.075.423	326.847.148.720	347.909.560.851	53.497.663.292	53.497.663.292
Ngân hàng TNHH MTV SHINHAN Việt Nam	11.268.141.428	11.268.141.428	32.789.340.299	20.977.037.980	23.080.443.747	23.080.443.747
	85.828.216.851	85.828.216.851	359.636.489.019	368.886.598.831	76.578.107.039	76.578.107.039

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác của Công ty như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Hình thức đảm bảo	31/12/2018	01/01/2018
				VND	VND
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	VND	Theo từng thời điểm	Tài sản gắn liền với đất của Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	53.497.663.292	74.560.075.423
- Ngân hàng TNHH MTV SHINHAN Việt Nam	VND	Theo từng thời điểm	Quyền sở hữu và lợi ích trong các hợp đồng mua bán/cung cấp hàng hóa dịch vụ mà bên thế chấp có quyền sở hữu	23.080.443.747	11.268.141.428
				76.578.107.039	85.828.216.851

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	150.000.000.000	1.945.655.948	42.361.139.942	13.593.784.094	25.237.870.157	-	233.138.450.141
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	36.222.527.139	-	36.222.527.139
Trả cổ tức bằng tiền mặt	-	-	-	-	(18.000.000.000)	-	(18.000.000.000)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	10.089.908.359	1.775.735.449	(11.865.643.808)	-	-
Trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(3.551.470.899)	-	(3.551.470.899)
Trích lập Quỹ điều hành	-	-	-	-	(1.775.735.449)	-	(1.775.735.449)
Điều chỉnh khác	-	-	(615.203.239)	-	615.203.239	-	-
Do công ty con phát hành tăng vốn cho cổ đông không kiểm soát	-	(11.000.000)	-	-	-	330.000.000	319.000.000
Giảm do thay đổi tỷ lệ lợi ích tại Công ty con	-	-	(11.094.315)	-	(106.273.506)	117.367.821	-
Số dư cuối năm trước	150.000.000.000	1.934.655.948	51.824.750.747	15.369.519.543	26.776.476.873	447.367.821	246.352.770.932
Số dư đầu năm nay	150.000.000.000	1.934.655.948	51.824.750.747	15.369.519.543	26.776.476.873	447.367.821	246.352.770.932
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	40.940.391.113	7.062.883	40.947.453.996
Trả cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	(19.500.000.000)	-	(19.500.000.000)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	5.360.296.293	-	(5.360.296.293)	-	-
Tạm phân phối lợi nhuận năm 2018	-	-	3.739.719.918	1.869.859.959	(11.219.159.754)	-	(5.609.579.877)
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	3.739.719.918	1.869.859.959	(5.609.579.877)	-	-
- Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(3.739.719.918)	-	(3.739.719.918)
- Trích Quỹ điều hành của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	-	-	-	-	(1.869.859.959)	-	(1.869.859.959)
Điều chỉnh do giảm thuế TNDN phải nộp năm trước	-	-	-	-	20.630.161	-	20.630.161
Số dư cuối năm nay	150.000.000.000	1.934.655.948	60.924.766.958	17.239.379.502	31.658.042.100	454.430.704	262.211.275.212

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 05/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2018, Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Kết quả kinh doanh sau thuế năm 2017 trên Báo cáo tài chính riêng		35.514.708.989
Đã tạm phân phối trong năm 2017 như sau		10.654.412.696
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	10%	3.551.470.899
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	10%	3.551.470.899
- Trích Quỹ điều hành của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	5%	1.775.735.449
- Quỹ bổ sung vốn điều lệ	5%	1.775.735.449
Phân phối phần lợi nhuận năm 2017 còn lại trong năm nay		24.860.296.293
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	15%	5.360.296.293
- Chi trả cổ tức	13%/cổ phần	19.500.000.000
<i>(Tương ứng mỗi cổ phần nhận 1.300 VND)</i>		
Lợi nhuận năm 2017 còn lại chưa phân phối		-

Căn cứ theo phương án phân chia kết quả kinh doanh năm 2018 của Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 05-2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2018, Công ty đã tạm phân phối lợi nhuận năm 2018 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Kết quả kinh doanh năm 2018 Báo cáo tài chính riêng sau thuế		37.397.199.181
Trích Quỹ Đầu tư phát triển	10%	3.739.719.918
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	10%	3.739.719.918
Trích Quỹ điều hành của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	5%	1.869.859.959
Quỹ bổ sung vốn điều lệ	5%	1.869.859.959
Lợi nhuận năm 2018 còn lại chưa phân phối		26.178.039.427

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2018	Tỷ lệ	01/01/2018	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	60.246.000.000	40,16%	60.246.000.000	40,16%
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục	7.581.890.000	5,05%	11.665.890.000	7,78%
Peter Eric Dennis	7.816.000.000	5,21%	7.816.000.000	5,21%
Các cổ đông khác	74.356.110.000	49,56%	70.272.110.000	46,85%
Cộng	150.000.000.000	100%	150.000.000.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	150.000.000.000	150.000.000.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	150.000.000.000	150.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm</i>	14.000.000	14.000.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm</i>	19.500.000.000	18.000.000.000
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	19.500.000.000	18.000.000.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền</i>	19.500.000.000	18.000.000.000
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	19.500.000.000	18.000.000.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả cuối năm</i>	14.000.000	14.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	15.000.000	15.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.000.000	15.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	15.000.000	15.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu

e) Các quỹ của Công ty

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
- <i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	60.924.766.958	51.824.750.747
- <i>Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu</i>	17.239.379.502	15.369.519.543
	78.164.146.460	67.194.270.290

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tài sản thuê ngoài

Công ty thuê văn phòng, cửa hàng và các nhà kho theo hợp đồng thuê hoạt động. Tại thời điểm 31/12/2018, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
- <i>Từ 1 năm trở xuống</i>	4.320.425.000	2.917.018.182
- <i>Từ 1 năm đến 5 năm</i>	1.178.000.000	159.200.000

Ngoài ra, Công ty TNHH Một thành viên Hồng Hà Thành Công (Công ty con) ký hợp đồng thuê đất tại số K3b, ngõ 6A, phố Thành Công, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội với Nhà nước nhằm mục đích sử dụng đất để đầu tư xây dựng và kinh doanh công trình tòa nhà văn phòng cho thuê, thời hạn thuê 50 năm kể từ ngày 10/08/2009. Diện tích đất thuê là 1.023 m². Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho Nhà nước cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành.

22. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	608.984.993.026	582.644.526.236
- <i>Doanh thu sách giáo khoa, sách bổ trợ</i>	332.165.028.371	271.854.418.690
- <i>Doanh thu sách tham khảo</i>	159.318.207.360	232.912.531.486
- <i>Doanh thu bán vật tư</i>	60.507.742.138	30.995.372.401
- <i>Doanh thu thiết bị giáo dục, hàng khai thác ngoài, khác</i>	56.994.015.157	46.882.203.659
Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.427.533.800	8.077.159.141
	617.412.526.826	590.721.685.377
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh 38)	129.071.730.450	155.571.532.224

23. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	12.844.816.232	9.738.727.120
Hàng bán bị trả lại	5.464.985.082	3.921.327.196
	18.309.801.314	13.660.054.316

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Giá vốn của hàng hoá đã bán	430.450.323.044	420.209.196.633
- <i>Giá vốn bán sách giáo khoa, sách bổ trợ</i>	207.965.509.275	164.267.014.971
- <i>Giá vốn bán sách tham khảo</i>	125.120.509.776	196.634.452.622
- <i>Giá vốn bán vật tư</i>	61.642.414.793	32.048.408.687
- <i>Giá vốn bán thiết bị giáo dục, hàng khai thác ngoài, khác</i>	35.721.889.200	27.259.320.353
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	6.905.011.005	6.479.029.099
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.660.460.871)	(9.125.633.415)
	435.694.873.178	417.562.592.317

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.831.362.216	409.551.683
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.071.375.000	1.072.252.500
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	14.057.558	58.985.650
	2.916.794.774	1.540.789.833

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lãi tiền vay	4.537.194.404	5.731.393.047
Dự phòng/(Hoàn nhập dự phòng) giám giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(471.621.200)	6.594.142.400
Chi phí tài chính khác	5.343.523	46.368.796
	4.070.916.727	12.371.904.243

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	329.805.469	70.374.422
Chi phí nhân công	23.222.129.549	18.302.645.287
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	320.848.821	92.623.545
Chi phí khấu hao tài sản cố định	372.083.040	369.138.038
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.006.731.627	23.457.674.068
Chi phí khác bằng tiền	18.244.818.870	20.111.356.405
	63.496.417.376	62.403.811.765

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.237.706.370	3.903.435.834
Chi phí nhân công	13.444.190.672	11.682.086.850
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	315.750.641	458.788.587
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.603.560.720	1.931.973.640
Thuế, phí và lệ phí	471.341.376	471.341.000
Chi phí dự phòng	9.666.134.612	2.160.302.479
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.858.184.392	9.245.349.210
Chi phí khác bằng tiền	7.407.907.656	4.944.519.169
Lợi thế thương mại	2.519.056.196	2.519.056.196
	45.523.832.635	37.316.852.965

29. THUNHẬP KHÁC

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	304.545.454
Nhận tài trợ bản quyền dịch sách	270.684.987	1.646.370.720
Các khoản khác	144.047.289	163.844.589
	414.732.276	2.114.760.763

30. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí từ nhận tài trợ chi phí bản quyền dịch sách	67.671.247	248.772.107
Xử lý nợ phải thu không thể thu hồi	-	3.415.823.901
Xử lý chi phí sản xuất kinh doanh dở dang không thể thu hồi	703.799.505	-
Các khoản bị phạt	257.758.883	12.624.248
Các khoản khác	205.200.019	885.587.732
	1.234.429.654	4.562.807.988

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	10.180.662.921	8.877.803.381
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại các Công ty con	1.658.356.378	1.722.500.579
	11.839.019.299	10.600.303.960

32. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	40.940.391.113	36.222.527.139
Các khoản điều chỉnh :	(5.609.579.877)	(5.327.206.348)
- <i>Quỹ khen thưởng phúc lợi, Quỹ khen thưởng ban điều hành</i> ⁽¹⁾	(5.609.579.877)	(5.327.206.348)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	35.330.811.236	30.895.320.791
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	15.000.000	15.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.355	2.060

⁽¹⁾ Công ty tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi, Quỹ khen thưởng ban điều hành theo phương án phân chia kết quả kinh doanh năm 2018 của Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 05-2018/NQ-DHĐCĐ ngày 26/04/2018.

33. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	161.909.607.786	154.536.656.990
Chi phí nhân công	38.803.565.354	31.829.771.870
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	663.658.553	551.412.132
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.465.434.860	5.975.484.619
Thuế, phí và lệ phí	505.634.868	685.349.082
Chi phí dự phòng	9.666.134.612	3.199.096.846
Chi phí dịch vụ mua ngoài	117.655.363.501	134.318.078.756
Chi phí khác bằng tiền	25.862.198.664	30.218.835.844
Lợi thế thương mại	2.519.056.196	2.519.056.196
	364.050.654.394	363.833.742.335

34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị số kế toán			
	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	53.846.818.651	-	41.028.367.616	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	65.988.656.129	(14.208.981.965)	70.349.660.945	(4.542.847.353)
Các khoản cho vay	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
Đầu tư ngắn hạn	118.776.400	(103.655.450)	118.776.400	(101.266.650)
Đầu tư dài hạn	11.581.750.000	(5.566.650.000)	11.581.750.000	(6.592.660.000)
	132.536.001.180	(19.879.287.415)	124.078.554.961	(11.236.774.003)

	Giá trị số kế toán	
	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	76.578.107.039	85.828.216.851
Phải trả người bán, phải trả khác	36.351.814.625	37.283.579.733
Chi phí phải trả	48.195.314.344	39.063.587.499
	161.125.236.008	162.175.384.083

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2018				
Đầu tư ngắn hạn	15.120.950	-	-	15.120.950
Đầu tư dài hạn	-	6.015.100.000	-	6.015.100.000
Cộng	15.120.950	6.015.100.000	-	6.030.220.950
Tại ngày 01/01/2018				
Đầu tư ngắn hạn	17.509.750	-	-	17.509.750
Đầu tư dài hạn	-	4.989.090.000	-	4.989.090.000
Cộng	17.509.750	4.989.090.000	-	5.006.599.750

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay, khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2018				
Tiền	53.846.818.651	-	-	53.846.818.651
Phải thu khách hàng, phải thu khác	51.523.874.164	255.800.000	-	51.779.674.164
Các khoản cho vay	-	1.000.000.000	-	1.000.000.000
Cộng	105.370.692.815	1.255.800.000	-	106.626.492.815
Tại ngày 01/01/2018				
Tiền và các khoản tương đương tiền	41.028.367.616	-	-	41.028.367.616
Phải thu khách hàng, phải thu khác	65.181.013.592	625.800.000	-	65.806.813.592
Các khoản cho vay	-	1.000.000.000	-	1.000.000.000
Cộng	106.209.381.208	1.625.800.000	-	107.835.181.208

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2018				
Vay và nợ	76.578.107.039	-	-	76.578.107.039
Phải trả người bán, phải trả khác	34.566.448.825	1.785.365.800	-	36.351.814.625
Chi phí phải trả	48.195.314.344	-	-	48.195.314.344
	159.339.870.208	1.785.365.800	-	161.125.236.008
Tại ngày 01/01/2018				
Vay và nợ	85.828.216.851	-	-	85.828.216.851
Phải trả người bán, phải trả khác	35.689.240.933	1.594.338.800	-	37.283.579.733
Chi phí phải trả	39.063.587.499	-	-	39.063.587.499
	160.581.045.283	1.594.338.800	-	162.175.384.083

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

35. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

a) Số tiền đi vay thực thu trong năm

Toàn bộ số tiền vay nhận được phản ánh trên Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất là tiền thực thu từ đi vay theo kế ước thông thường.

b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

Toàn bộ số tiền vay đã trả trong kỳ phản ánh trên Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất là tiền thực trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường.

36. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

37. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Kinh doanh sách và thiết bị giáo dục	Cho thuê bất động sản	Tổng cộng các bộ phận	Loại trừ	Tổng cộng toàn Doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	595.565.785.510	13.843.937.391	609.409.722.901	(10.306.997.389)	599.102.725.512
Giá vốn từ bán hàng và dịch vụ	433.680.455.971	6.905.011.005	440.585.466.976	(4.890.593.798)	435.694.873.178
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	161.885.329.539	6.938.926.386	168.824.255.925	(15.197.591.187)	163.407.852.334
Tổng chi phí mua tài sản cố định	573.000.000	-	573.000.000	-	573.000.000
Tài sản bộ phận	500.298.140.757	118.947.087.736	619.245.228.493	(181.319.186.645)	437.926.041.848
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	8.186.932.636
Tổng Tài sản	500.298.140.757	118.947.087.736	619.245.228.493	(181.319.186.645)	446.112.974.484
Nợ phải trả của các bộ phận	235.982.193.466	3.057.313.498	239.039.506.964	(55.137.807.692)	183.901.699.272
Tổng nợ phải trả	235.982.193.466	3.057.313.498	239.039.506.964	(55.137.807.692)	183.901.699.272

Theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

38. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>
		VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa		129.071.730.450	155.571.532.224
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty liên kết	344.669.809	114.072.097
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Hà Tây	Công ty liên kết	36.675.144.501	29.763.941.891
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Cùng Tập đoàn	118.350.633	20.530.786
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học thành phố Hồ Chí Minh	Cùng Tập đoàn	18.972.111.120	13.307.501.305
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Hà Tĩnh	Cùng Tập đoàn	11.568.342.324	8.580.043.545
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Hòa Bình	Cùng Tập đoàn	8.457.054.496	8.521.138.931
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	7.550.281.399	1.630.580.949
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Cùng Tập đoàn	22.222.022.572	63.085.081.941
Công ty CP Kỹ thuật và Truyền thông	Cùng Tập đoàn	4.995.486.084	3.750.695.844
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Cùng Tập đoàn	1.975.729.429	5.708.398.858
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Cùng Tập đoàn	3.682.800	3.780.000
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Cùng Tập đoàn	5.045.161.311	57.571.429
Công ty CP Sách giáo dục tại thành phố Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	305.195.236	7.810.621.046
Công ty CP Sách Giáo dục tại thành phố Hà Nội	Cùng Tập đoàn	245.897.043	732.008.151
Công ty CP Sách Giáo Dục tại Thành phố Hồ Chí Minh	Cùng Tập đoàn	731.503.999	1.791.266.580
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Điện Biên	Cùng Tập đoàn	9.719.420.463	10.694.298.871
Công ty CP Sách Đại học - Dạy nghề	Cùng Tập đoàn	60.507.370	-
Công ty CP Đầu tư & Xuất bản giáo dục	Cùng Tập đoàn	2.841.080	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Cần Thơ	Cùng Tập đoàn	70.457.905	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Tiền Giang	Cùng Tập đoàn	7.870.876	-

Giao dịch phát sinh trong năm:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>
		VND	VND
Mua vật tư, hàng hóa, Phí tổ chức và quản lý xuất bản		83.834.994.541	66.229.295.965
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Cùng Tập đoàn	51.739.340.827	46.066.641.154
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Hà Tây	Công ty liên kết	142.359.618	86.689.524
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Cùng Tập đoàn	218.743.732	330.520.519
Công ty CP Sách Dân tộc	Cùng Tập đoàn	4.800.220.577	185.037.527
Công ty CP Sách Đại học - Dạy nghề	Cùng Tập đoàn	4.231.484.755	476.628.632
Công ty CP Sách giáo dục tại thành phố Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	103.136.260	285.874.128
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	Cùng Tập đoàn	10.480.541.049	9.798.692.574
Công ty CP Học liệu	Cùng Tập đoàn	5.043.324.207	3.171.250.000
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	Cùng Tập đoàn	48.783.689	104.904.230
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Cùng Tập đoàn	5.522.618.419	3.371.432.155
Công ty CP In sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội	Cùng Tập đoàn	1.504.441.408	2.351.625.522
Chi phí thuê kho, thuê văn phòng, dịch vụ khác		2.009.476.697	1.699.118.201
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Cùng Tập đoàn	1.658.652.727	1.351.200.001
Công ty CP In sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội	Cùng Tập đoàn	350.823.970	347.918.200
Cổ tức và lợi nhuận được chia		1.071.250.000	1.071.250.000
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Cùng Tập đoàn	121.250.000	121.250.000
Công ty Cổ phần Sách Thiết bị trường học Hà Tây	Công ty liên kết	950.000.000	950.000.000
Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:			
	<u>Mối quan hệ</u>	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
		VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		23.766.677.035	29.888.128.227
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty mẹ của tập đoàn	255.880.128	472.274.367
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Hà Tĩnh	Cùng Tập đoàn	41.953.973	-
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	Cùng Tập đoàn	395.362.735	186.610.798
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Cùng Tập đoàn	1.737.111.280	387.103.340
Công ty CP Sách Giáo Dục tại thành phố Hà Nội	Cùng Tập đoàn	56.463.700	-
Công ty CP Sách Thiết bị trường học thành phố Hồ Chí Minh	Cùng Tập đoàn	80.368.462	73.520.770
Công ty CP Sách Giáo Dục tại thành phố Hồ Chí Minh	Cùng Tập đoàn	82.388.633	334.781.263

